TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **18** /2020/QĐST-HNGĐ	*Phong Điền, ngày 19 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 143/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị Mỹ T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Q, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hồ Thị Mỹ T với anh Trần Văn Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Trần Bảo N, sinh ngày 01-4-2011 cho chị Hồ Thị Mỹ T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn đến khi thành niên.

Anh Trần Văn Q không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nghĩa vụ về tài sản: Ghi nhận chị Hồ Thị Mỹ T và anh Trần Văn Q có nghĩa vụ chung là khoản nợ của Ngân hàng C vay ngày 10-7-2017 tại Phòng giao dịch huyện P gồm vay Chương trình Hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn 25.000.000 đồng, vay Chương trình Nước sạch vệ sinh môi trường 12.000.000 đồng (đã trả 4.000.000 đồng tiền gốc), tổng cộng còn nợ gốc 33.000.000 đồng, chưa tính lãi, tiền tiết kiệm tính đến ngày 10-01-2020 tại tổ vay vốn là 6.412.000 đồng và vợ chồng tự thỏa thuận anh Q có nghĩa vụ trả số tiền nợ là 13.300.000 đồng (đã trả ngày 11-02-2020); chị T có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc còn lại và lãi phát sinh đến khi hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp có tranh chấp thì có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

2.5. Về án phí sơ thẩm: Chị Hồ Thị Mỹ T chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2013/0084xx ngày 23-12-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; hoàn trả lại cho chị T 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- CCTHADS huyện Phong Điền;
- UBND xã P;
(ĐKKH số xx ngày xx-5-2010)
- Lưu hồ sơ, HNGĐ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Văn Trường